

Hồ về thu, nước trong vắt, mênh mông. Trăng tỏa sáng rọi vào các gợn sóng lăn tăn. Thuyền ra khỏi bờ thì hây hây gió đông nam, sóng vỗ rập rình. Một lát, thuyền vào gần một đám sen. Bây giờ, sen trên hồ đã gần tàn nhưng vẫn còn lơ thơ mấy đóa hoa nở muộn. Mùi hương đưa theo chiều gió ngào ngạt . .

Đề thi kiểm tra học kì I môn Tiếng Việt lớp 3 năm học 2013- 2014 – Đề 6

A. Kiểm tra đọc và kiến thức tiếng Việt

Cho văn bản sau:

Người liên lạc nhỏ

1. Sáng hôm ấy, anh Đức Thanh dẫn Kim Đồng đến điếm hẹn. Một ông ké đã chờ sẵn ở đấy. Ông mỉm cười hiền hậu:

- Nào, bác cháu ta lên đường!

Ông ké chống gậy trúc, mặc áo Nùng đã phai, bịt cả hai cửa tay. Trông ông

như người Hà Quảng đi cào cỏ lúa. Kim Đồng đeo túi nhanh nhẹn đi trước, ông ké lững thững đằng sau. Gặp điều gì đáng ngờ, người đi trước làm hiệu, người đằng sau tránh vào ven đường.

1. Đến quãng suối, vừa qua cầu thì gặp Tây đồn đem lính đi tuần. Kim Đồng

bình tĩnh huyết sáo. Ông ké dừng lại, tránh sau lưng tảng đá. Lưng đá to lù lù, cao ngập đầu người. Nhưng lũ lính đã trông thấy. Chúng nó kêu ầm lên. Ông ké ngồi ngay xuống bên tảng đá, thản nhiên nhìn bọn lính, như người đi đường xa, mỏi chân, gặp được tảng đá phẳng thì ngồi nghỉ chốc lát.

1. Nghe đằng trước có tiếng hỏi:

- Bé con đi đâu sớm thế?

Kim Đồng nói:

- Đón thầy mo này về cúng cho mẹ ốm.

Trả lời xong, Kim Đồng quay lại, gọi:

- Già ơi! Ta đi thôi! Về nhà cháu còn xa đấy!

4. Mắt giặc tráo trưng mà hóa thông minh. Hai bác cháu đã ung dung đi qua trước mặt chúng. Những tảng đá ven đường sáng hẳn lên như vui trong nắng sớm.

A. I (1đ): Đọc thành tiếng: Đọc một trong ba đoạn văn của văn bản.

A. II. Đọc thầm và làm bài tập (khoảng 15 – 20 phút):

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi dưới đây:

1. (0,5 đ) Anh Kim Đồng được giao nhiệm vụ gì?

- a. Đi cào cỏ lúa cùng ông ké.
- b. Đón thầy mo về cúng cho mẹ ốm.
- c. Dẫn đường cho cán bộ cách mạng.

2. (0,5 đ) Vì sao cán bộ phải đóng vai ông già Nùng?

- a. Vì Hà Quảng là vùng có nhiều người Nùng sinh sống.
- b. Vì muốn che mắt địch để đi an toàn.
- c. Vì bác cán bộ muốn trở thành người Nùng.

3. (0,5 đ) Ai là người liên lạc nhỏ?

- a. Đức Thanh.
- b. Kim Đồng.
- c. Ông ké.

4. (0,5 đ) Khi gặp Tây đồn đem lính đi tuần thái độ của Kim Đồng và ông ké như thế nào?

- a. Lo sợ
- b. Lúng túng
- c. Bình tĩnh

5. (0,5 đ) Câu nào sau đây có bộ phận câu trả lời cho câu hỏi: Ai? Thế nào?

- a. Kim Đồng bình tĩnh huýt sáo.

- b. Bé con đi đâu sớm thế?
- c. Đón thầy mo này về cúng cho mẹ ốm.

6. (0,5 đ) Bộ phận in đậm, nghiêng trong câu “ Ông ké *ngồi ngay xuống bên tảng đá.*” trả lời cho câu hỏi nào?

- a. Thế nào?
- b. Là gì?
- c. Làm gì?

7. (0,5 đ) Trong câu chuyện này nhân vật Kim Đồng có đức tính gì?

8. (0,5 đ) Gạch chân sự vật được so sánh với nhau trong câu thơ dưới đây:

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

B. Kiểm tra kĩ năng viết chính tả và viết văn

B. I. Chính tả (Nghe – viết) (2,0 đ) bài Nhớ Việt Bắc (từ *Ta về, mình có nhớ ta đến Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.*) trang 65 sách Tiếng Việt 1B.

B. II. Viết đoạn văn (3,0 đ)

Em hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 5 câu kể cho các bạn nghe về việc học tập của em trong học kì I.

- Học kì I em đã học tập thế nào (chăm chỉ, chuyên cần hay chưa cố gắng)?
- Em thích học môn nào? Kết quả học môn nào của em tốt nhất?
 - Bạn bè đã giúp đỡ em học tập hoặc em đã giúp bạn như thế nào?
 - Thái độ của ông bà, cha mẹ trước kết quả học tập của em?

Đáp án đề thi học kì 1 môn Tiếng Việt lớp 3 - đề số 6

A. I (1đ): Đọc thành tiếng: Đọc một trong ba đoạn văn của văn bản.

A. II. Đọc thầm và làm bài tập: Học sinh chọn đúng mỗi câu được 0,5 điểm

1. (0,5 đ) Anh Kim Đồng được giao nhiệm vụ gì?

c. Dẫn đường cho cán bộ cách mạng.

2. (0,5 đ) Vì sao cán bộ phải đóng vai ông già Nùng?

b. Vì muốn che mắt địch để đi an toàn.

3. (0,5 đ) Ai là người liên lạc nhỏ?

b. Kim Đồng.

4. (0,5 đ) Khi gặp Tây đồn đem lính đi tuần thái độ của Kim Đồng và ông ké như thế nào?

c. Bình tĩnh

5. (0,5 đ) Câu nào sau đây có bộ phận câu trả lời cho câu hỏi: *Ai? Thế nào?*

a. Kim Đồng bình tĩnh huyết sáo.

6. (0,5 đ) Bộ phận in đậm, nghiêng trong câu “ Ông ké *ngồi ngay xuống bên tảng đá.*” trả lời cho câu hỏi nào?

c. Làm gì?

7. (0,5 đ) Trong câu chuyện này nhân vật Kim Đồng có đức tính gì?

Bình tĩnh, dũng cảm

8. (0,5 đ) Gạch chân sự vật được so sánh với nhau trong câu thơ dưới đây:

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

B. Kiểm tra kĩ năng viết chính tả và viết văn

B. I. Chính tả (Nghe – viết) (2,0 đ) bài Nhớ Việt Bắc (từ *Ta về, mình có nhớ ta đến Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.*) trang 65 sách Tiếng Việt 1B.

- Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng trình bày đúng đoạn văn (2 điểm)

- Mỗi lỗi chính tả trong bài viết sai phụ âm đầu hoặc phần vần, thanh không viết hoa đúng quy định trừ 0,5 điểm .

B. II. Viết đoạn văn (3,0 đ)

- Câu văn dùng đúng từ, không sai ngữ pháp, chữ viết rõ ràng sạch đẹp được 3,0 điểm.
- Tùy theo mức độ sai sót về ý: về diễn đạt và chữ viết có thể cho các mức điểm sau: 2,5

Đề thi kiểm tra học kì I môn Tiếng Việt lớp 3 năm học 2013 – 2014 – Trường Tiểu học Lâm Đồng – Đề 1

Đề thi học kì 1 môn Tiếng Việt lớp 3 - đề số 1

A/ Đọc thầm :

Hũ bạc của người cha

1. Ngày xưa, có một nông dân người Chăm rất siêng năng. Về già, ông để dành được một hũ bạc. Tuy vậy, ông rất buồn vì cậu con trai lười biếng.

Một hôm, ông bảo con:

- Cha muốn trước khi nhắm mắt thấy con kiếm nổi bát cơm. Con hãy đi làm và mang tiền về đây!

2. Bà mẹ sợ con vất vả, liền dúm cho một ít tiền. Anh này cầm tiền đi chơi mấy hôm, khi chỉ còn vài đồng mới trở về đưa cho cha. Người cha vút ngay nắm tiền xuống ao. Thấy con vẫn thản nhiên, ông nghiêm giọng:

- Đây không phải tiền con làm ra .

3. Người con lại ra đi. Bà mẹ chỉ dám cho ít tiền ăn đường. Ăn hết tiền, anh ta đành tìm vô một làng xin xay thóc thuê. Xay một thúng thóc được trả công hai bát gạo, anh chỉ dám ăn một bát. Suốt ba tháng, dành dụm được chín mươi bát gạo, anh bán lấy tiền.

4. Hôm đó, ông lo đang ngồi sưởi lửa thì con đem tiền về. Ông liền ném luôn mấy đồng vào bếp lửa. Người con vội thọc tay vào lửa lấy ra. Ông lo cười chảy nước mắt :

- Bây giờ cha tin tiền đó chính tay con làm ra. Có làm lụng vất vả, người ta mới biết quý đồng tiền.

5. Ông đào hũ bạc lên, đưa cho con và bảo :

- Nếu con lười biếng, dù cha cho một trăm hũ bạc cũng không đủ. Hũ bạc tiêu không bao giờ hết chính là hai

(Theo truyện cổ tích Chấm)

B/ Dựa vào nội dung bài đọc, em hãy khoanh tròn chữ cái trước những ý trả lời *đúng* cho từng câu hỏi dưới đây:

Câu 1 : *(0,5 điểm)* Ông lão trước khi nhắm mắt muốn con trai mình trở thành người như thế nào?

- a. Muốn con trai trở thành người có nhiều hũ bạc.
- b. Muốn con trai trở thành người tự mình kiếm nổi bát cơm.
- c. Muốn con trai trở thành người ăn nhiều bát cơm.

Câu 2 : *(0,5 điểm)* Người con đã vất vả làm lụng và tiết kiệm như thế nào để đem tiền về cho cha?

- a. Anh này cầm tiền của mẹ đưa đi chơi mấy hôm, khi chỉ còn vài đồng mới trở về đưa cho cha..
- b. Đi buôn bán, được bao nhiêu tiền thì để dành không dám ăn uống gì.
- c. Xay thóc thuê, xay một thúng thóc trả công 2 bát gạo. Anh chỉ dám ăn một bát. Suốt ba tháng dành dụm chín mươi bát gạo, anh bán lấy tiền.

Câu 3 : *(1 điểm)* Khi ông lão vứt tiền vào bếp lửa, người con đã làm gì ? Vì sao?

- a. Người con vội thọc tay vào lửa lấy tiền ra vì tiền đó do anh vất vả kiếm được.
- b. Người con vẫn thản nhiên như không vì tiền đó không phải do anh làm ra.
- c. Người con vội thọc tay vào lửa lấy tiền ra vì đó là tiền mẹ anh cho.

Câu 4 : (1 điểm) Ý nào dưới đây nói lên ý nghĩa của truyện?

- a. Có làm lụng vất vả, người ta mới biết quý đồng tiền.
- b. Hũ bạc tiêu không bao giờ hết chính là hai bàn tay con người.
- c. Cả hai ý trên đều đúng .

Câu 5: (1 điểm) Trong câu ‘**Có làm lụng vất vả người ta mới biết quý đồng tiền**’, từ chỉ hoạt động là :

- a.Vất vả.
- b.Đồng tiền .
- c.Làm lụng

A. CHÍNH TẢ: 15 phút

Bài viết : “Đêm trăng trên Hồ Tây”.sách TV3 (tập 1 - trang 105).

B. TẬP LÀM VĂN: (25 phút)

Đề : **Viết một đoạn văn ngắn(8 – 10 câu) giới thiệu về tổ em dựa vào các gợi ý sau:**

1. Tổ em gồm những bạn nào?
2. Mỗi bạn có đặc điểm gì hay?
3. Tháng vừa qua, các bạn làm được những việc gì tốt?

Đáp án đề thi học kì 1 môn Tiếng Việt lớp 3 - đề số 1

1. BÀI ĐỌC HIỂU

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	b	c	a	c	c
Điểm	0,5	0,5	1	1	1

II. CÁCH CHO ĐIỂM VIẾT

1. Chính tả : (5 điểm)

- HS nghe viết chính xác được bài chính tả trong 15 phút. Không mắc quá 5 lỗi (*lỗi trừnng trừn một lần*), viết đúng quy tắc chính tả, kỹ thuật viết liền mạch, viết hoa đúng theo quy định, chữ viết đều nét, thẳng hàng trình bày đúng thể loại văn xuôi (ghi 5 điểm)

- HS viết không đạt một trong các yêu cầu trên GV trừ từ 0,5 điểm trở lên

2. Tập làm văn : (5 điểm)

- Giới thiệu được tổ của mình, nêu được đặc điểm nổi bật của các bạn trong tổ, nêu các hoạt động của tổ đạt được trong tháng vừa qua.

- Trình bày đúng đủ yêu cầu của bài Tập làm văn, chữ viết đẹp, không sai lỗi chính tả, trình bày đẹp.

- Mắc một trong các lỗi trên trừ dần từ 0,25 trở đi